

Bản án số: 03/2018/DSST

Ngày: 29/5/2018

Vv: “Chia di sản thừa kế”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BỐ TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Nguyễn Thùy Hương

Bà Phan Thị Tuyết

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên Toà: Ông Đinh Văn Phúc - Kiểm sát viên.

Vào hồi 07 giờ 30 phút, ngày 02 tháng 5 năm 2018; Tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình; Toà án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2017/TLST- DS ngày 25 tháng 10 năm 2017, về việc: “*Chia di sản thừa kế*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2018/QĐXXST – DS, ngày 19 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Quốc S, sinh năm 1959

Trú tại: Tổ dân phố Quyết Th, thị trấn N, huyện B, tỉnh Quảng Bình, có mặt

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Châu H, sinh năm 1972

Trú tại: Tổ dân phố H, thị trấn N, huyện B, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

3. *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Đặng Thị L, sinh năm 1937

- Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1979

- Anh Nguyễn Duy Kh, sinh năm 1982, có đơn xin vắng mặt

- Chị Nguyễn Thị Ánh Ng, sinh năm 1990, có đơn xin vắng mặt

- Anh Hoàng Ngọc B, có đơn xin vắng mặt

- Chị Nguyễn Thị L, có đơn xin vắng mặt

Cùng trú tại: Tổ dân phố Quyết Th, thị trấn N, huyện B, tỉnh Quảng Bình.

- Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1962; trú tại: Thôn Đ, xã Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.

- Ông Nguyễn Quang Tr, sinh năm 1964

- Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1970

- Bà Nguyễn Thị Hiếu, sinh năm 1967

Cùng trú tại: Tổ dân phố Phú Q, thị trấn N, huyện B, tỉnh Quảng Bình.

4. Đại diện theo uỷ quyền của bà Đặng Thị L, chị Nguyễn Thị Th, bà Nguyễn Thị X, ông Nguyễn Quang Tr, anh Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị Hiếu: ông Nguyễn Quốc S; Trú tại: Tổ dân phố Quyết Th, thị trấn N, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25 tháng 10 năm 2017, tại bản tự khai ngày 17 tháng 11 năm 2017, biên bản hoà giải vào các ngày 17 tháng 11 năm 2017 và tại phiên tòa nguyên đơn Ông Nguyễn Quốc S trình bày: Bố mẹ ông là ông Nguyễn Hữu H và bà Đặng Thị L có tài sản chung là 01 thửa đất số 66, tờ bản đồ số 43, diện tích 2025 m² được Ủy ban nhân dân huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 612166 ngày 31/7/2009 tại thị trấn N, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Năm 2015 bố ông là Nguyễn Hữu H mất không để lại di chúc và tài sản của bố ông để lại chưa chia. Vì vậy, ông làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết chia di sản thừa kế đối với tài sản của bố ông là ông Nguyễn Hữu H đối với ½ thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 612166 ngày 31/7/2009, thửa số 66, tờ bản đồ số 43 Tổ dân phố Quyết Th, thị trấn N, huyện B, tỉnh Quảng Bình; riêng ngôi nhà không chia yêu cầu giữ lại làm từ đường. Phần di sản ông được hưởng ông có nguyện vọng giao lại cho mẹ là bà Đặng Thị L sở hữu.

Tại bản tự khai ngày 17 tháng 11 năm 2017 và biên bản hoà giải ngày 17 tháng 11 năm 2017 anh Nguyễn Châu H trình bày: Bố mẹ anh là ông Nguyễn Hữu H và bà Đặng Thị L có tài sản chung là 01 thửa đất số 66, tờ bản đồ số 43, diện tích 2025 m². Bố anh đã mất năm 2015 không để lại di chúc nay anh trai là Nguyễn Quốc S làm đơn yêu cầu chia di sản thừa kế mà bố anh để lại. Nguyện vọng của anh là mong muốn được để lại thửa đất nguyên trạng không phân chia di sản thừa kế của bố để lại. Riêng ngôi nhà để lại làm từ đường.

Tại bản tự khai và biên bản hoà giải ngày 17 tháng 11 năm 2017 những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Th, Nguyễn Thị Hiếu, Nguyễn Thị X, Nguyễn Văn N, Nguyễn Quang Tr đều thống nhất trình bày: Bố mẹ là ông Nguyễn Hữu H và bà Đặng Thị L có tài sản chung là 01 thửa đất số 66, tờ bản đồ số 43, diện tích 2025 m² được Ủy ban nhân dân huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 612166 ngày 31/7/2009 tại thị trấn N, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Năm 2015 bố mất không để lại di chúc và tài sản

của bố để lại chưa chia. Nay anh trai yêu cầu chia di sản thừa kế đối với phần di sản mà bố để lại tất các anh chị cũng đồng ý và có nguyện vọng giao lại phần di sản mà mình được hưởng cho mẹ là Đặng Thị L được quyền sở hữu. Riêng ngôi nhà không phân chia để lại làm từ đường.

Tại bản tự khai ngày 06/01/2018 và bản tự khai ngày 20/5/2018 chị Nguyễn Thị Ánh Ng và anh Hoàng Ngọc B trình bày: trước đây vợ chồng anh chị lấy nhau chưa có nhà ở nên ông bà nội là Nguyễn Hữu H và Đặng Thị L đã cho mượn tạm mảnh đất làm nhà ở tạm từ năm 2010 đến nay. Hiện nay ông nội đã mất bố tôi đang nhờ toà phân chia di sản thừa kế mà ông tôi để lại nhưng chú tôi là Nguyễn Châu H không đồng ý. Hiện tại toà án thẩm định và phân chia tài sản là đất của ông bà nếu sau khi phân chia xong mà đất tôi đang ở thuộc về phần cô chú nào trong gia đình thì tôi xin được thương lượng và trả tiền chênh lệch về phần đất đó.

Tại bản tự khai ngày 28/11/2017 và bản tự khai ngày 22/12/2017 anh Nguyễn Duy Kh và chị Nguyễn Thị L trình bày: Hiện nay vợ chồng tôi đang làm nh à ở trên mảnh đất vườn của ông bà nội, hiện tại bà còn sống và là chủ sở hữu của mảnh đất đó. Trước khi vợ, chồng tôi làm nhà thì bà nội cùng tất cả các cô chú trong gia đình đều đã đồng ý. Hiện Toà phân chia phần di sản mà ông tôi để lại, nếu sau khi toà chia xong phần đất vợ, chồng tôi đang làm nhà thuộc về cô chú nào thì vợ, chồng tôi sẽ thương lượng với người đó.

Ý kiến của Kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên Toà: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Toà án từ khi thụ lý, giải quyết đến xét xử thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến phiên Toà Sơ thẩm đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; quan điểm giải quyết vụ án: căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Toà, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 5 Điều 26, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 614, 615, 609, 649, 650; điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 651 Bộ luật dân sự, Điều 203 Luật đất đai 2013 xử, chia 8 phần bằng nhau cho đồng thừa kế đối với di sản thừa kế mà ông Chợi để lại là $\frac{1}{2}$ diện tích đất 2025 m² cho bà Đặng Thị L, Nguyễn Quốc S, Nguyễn Châu H, Nguyễn Thị Hiếu, Nguyễn Thị Th, Nguyễn Quang Tr, Nguyễn Thị X và Nguyễn Văn N mỗi người được một phần bằng nhau. Các đồng thừa kế là Nguyễn Quốc S, Nguyễn Thị Hiếu Nguyễn Thị X, Nguyễn Quang Tr và Nguyễn Thị Th, Nguyễn Văn N mong muốn giao lại cho bà Đặng Thị L sở hữu. Giao cho bà Đặng Thị Lúy sở hữu thửa đất số 66, tờ bản đồ số 43 thị trấn N, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Bà Lúy có nghĩa vụ trả số tiền chênh lệch 2.960.900 đ cho anh Nguyễn Châu H.

Về án phí: Áp dụng Khoản 1 Điều 147 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc các đương sự phải chịu án phí tương ứng với phần di sản được hưởng theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Đặng Thị L, chị Nguyễn Thị Th, anh Nguyễn Quang Tr bà Nguyễn Thị X, bà Nguyễn Thị Hiếu anh Nguyễn Văn N đã có văn bản uỷ quyền tham gia tố tụng tại toà án cho ông Nguyễn Quốc S, anh Nguyễn Duy Kh, chị Nguyễn Thị L và chị Nguyễn Thị Ánh Ng, anh Nguyễn Duy Kh đã có đơn xin xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự nêu trên.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án tranh chấp về thừa kế tài sản, đối tượng chia thừa kế là nhà và bất động sản tại tổ dân phố Quyết Tiến, thị trấn N, huyện B, tỉnh Quảng Bình nên căn cứ theo khoản 5 Điều 26, điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B. Vì một trong các đồng thừa kế không thống nhất về việc chia di sản thừa kế mà ông H để lại, anh Nguyễn Châu H không nhất trí chia di sản thừa kế mà bố anh để lại mà đề nghị giữ nguyên hiện trạng thửa đất, trong khi đó anh đã đồng ý cho cháu là Nguyễn Duy Kh được làm nhà trên đất đó (đồng ý bằng miệng, cả quá trình cháu Khánh làm nhà, anh Huyền không có ý kiến gì). Sau khi làm nhà xong hợp bàn làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì anh Nguyễn Châu H lại không đồng ý nên ông Sỹ đã khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện B để yêu cầu chia thừa kế theo quy định của pháp luật là đúng quy định. Hội đồng xét xử xét thấy những người tham gia tố tụng đều là những người có đầy đủ năng lực pháp luật tố tụng dân sự và năng lực hành vi tố tụng dân sự. Ông Sỹ khởi kiện để đảm bảo quyền lợi của mình nên việc khởi kiện này phù hợp với quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự, việc Tòa án nhân dân huyện B xác định anh Nguyễn Châu H là bị đơn trong vụ án là đúng.

[3] Về thời điểm mở thừa kế: Ông Nguyễn Hữu Hmát ngày 08 tháng 7 năm 2015; do vậy thời điểm mở thừa kế của ông H là ngày 08 tháng 7 năm 2015. Về thời hiệu khởi kiện: Năm 2017 nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của ông H, như phân tích về thời điểm mở thừa kế nêu trên, áp dụng Điều 623 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Sỹ đối với di sản ông H để lại vẫn còn trong thời hiệu khởi kiện.

[4] Về nội dung:

4.1. Về nguồn gốc: Xét về nguồn gốc di sản, thửa đất số 66, tờ bản đồ số 43 là tài sản chung của ông H và bà L.

4.2. Về di sản: tài sản chung mà ông H và bà L gồm 01 ngôi nhà cấp 4 và 01 thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 612166, thửa số 66, tờ bản đồ số 43 thôn Tổ dân phố Quyết Tiến, thị trấn N, huyện B, tỉnh Quảng Bình mang tên Nguyễn Hữu H và Đặng Thị L được UBND huyện B cấp ngày 31 tháng 7 năm 2009. Đối với ngôi nhà cấp 4 hiện đã mục nát không còn giá trị sử dụng (theo như biên bản định giá tài sản ngày 08/01/2018 của Hội đồng định giá tài sản) nên tài sản chung của vợ chồng ông bà hiện còn là thửa đất số 66, tờ bản đồ số 43, tại tổ dân phố Quyết Tiến, thị trấn N, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Năm 2015 ông H chết không để lại di chúc nên căn cứ vào Điều 650 của Bộ luật dân sự 2015, toàn bộ di sản thừa kế của ông H là $\frac{1}{2}$ diện tích đất, tương ứng với $2025\text{m}^2 : 2 = 1012.5\text{m}^2$ trong đó đất ở là $200\text{m}^2 : 2 = 100\text{m}^2$, đất vườn là $1825\text{m}^2 : 2 = 912.5\text{m}^2$.

Theo kết quả định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản ngày 08 tháng 01 năm 2018, đất ở có giá trị $100.000\text{đồng}/\text{m}^2$, đất vườn có giá trị $15.000\text{đồng}/\text{m}^2$, giá trị thành tiền là đất ở $100.000\text{đồng} \times 100\text{m}^2 = 10.000.000\text{đồng}$, đất vườn $15.000\text{đồng} \times 912.5\text{m}^2 = 13.687.500\text{đồng}$; tổng giá trị thành tiền là $23.687.500\text{đồng}$; riêng ngôi nhà cấp bốn hiện không có giá trị sử dụng nên không xem xét.

4.3. Về diện và hàng thừa kế: Hàng thừa kế thứ nhất của ông H gồm bà L, ông Sỹ, ông Trung, bà Xuân, chị Thuỳ, anh Nam, bà Hiếu và anh Huyền.

4.4. Phân chia di sản: tài sản chung của ông H và bà L là diện tích đất 2025m^2 , nên ông H và bà L mỗi người hưởng là $\frac{1}{2}$ diện tích đất, tương ứng 1012.5m^2 trong đó đất ở là 100m^2 , đất vườn là 912.5m^2 ; do vậy di sản thừa kế ông H để lại là 1012.5m^2 . Bà L và ông H trong thời kỳ hôn nhân có 07 con chung là Nguyễn Quốc S, Nguyễn Châu H, Nguyễn Thị X, Nguyễn Thị Th, Nguyễn Thị Hiếu, Nguyễn Quang Tr và Nguyễn Văn N; ngoài ra ông bà không còn có người con nào khác. Bố mẹ ông H đã chết, ông H chết không để lại di chúc nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 651 Bộ luật dân sự, hàng thừa kế thứ nhất của ông gồm: vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi của ông. Những người thừa kế cùng hàng nên mỗi người được hưởng phần di sản bằng nhau, tương ứng với diện tích đất $1012.5\text{m}^2 : 8 = 126.56\text{m}^2$ trong đó: đất ở là $100\text{m}^2 : 8 = 12.5\text{m}^2$, đất vườn là $912.5\text{m}^2 : 8 = 114,06\text{m}^2$, giá trị thành tiền đất ở là $12.5\text{m}^2 \times 100.000\text{đồng} = 1.250.000\text{đồng}$ và đất vườn $114,06\text{m}^2 \times 15.000\text{đồng} = 1.710.900\text{đồng}$. Như vậy tổng giá trị tính thành tiền của một phần được hưởng là $2.960.900\text{đồng}$. Như vậy HĐXX thấy rằng: trên phần di sản mà ông H để lại những người thừa kế được hưởng mỗi người phần có giá trị: 126.56m^2 thành tiền là $2.960.900\text{đồng}$, quá trình hòa giải anh Nguyễn Châu H đề nghị giữ nguyên hiện trạng thửa đất không phân chia. Còn các đồng thừa kế đều muốn chia di sản của bố và có chung nguyện vọng để

lại cho mẹ là bà Đặng Thị L được quyền sở hữu phần di sản mà mình được hưởng . Xét thấy nguyện vọng của anh Nguyễn Châu H muốn giữ lại nguyên trạng thửa đất là phù hợp, nên buộc bà Lủy giao phần được hưởng di sản thừa kế bằng tiền là 2.960.000đồng cho anh Nguyễn Châu H. Vì bà L đương nhiên hưởng $\frac{1}{2}$ tài sản chung của vợ chồng; Ông Sỹ cũng như các con của bà L ngoại trừ anh Huyền có nguyện vọng giao lại phần đất trên cho bà L sở hữu nên xét cần chấp nhận yêu cầu của Nguyễn Quốc S chia di sản thừa kế và giao tiền chênh lệch cho anh Huyền là 2.960.900 đồng.

Tại phiên hoà giải ngày 17/11/2018 anh Nguyễn Quốc S, Nguyễn Quang Tr, Nguyễn Thị Th, Nguyễn Thị X, Nguyễn Văn N, Nguyễn Thị Hiếu thống nhất giao lại phần di sản mà mình được hưởng cho là bà Đặng Thị L. Như vậy, phần bà L được sở hữu bao gồm phần di sản bà được hưởng cùng với phần di sản mà những người trên được hưởng là 885.92m² trong đó đất ở là 87,5m², đất vườn là 798.43m² có giá trị thành tiền là 20.726.300 đồng.

Trong phần tài sản chung của bà với ông H , bà đương nhiên được hưởng $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản là $2025m^2 : 2 = 1012.5 m^2$; tương ứng với số tiền 23.687.500 đồng. Trên phần tài sản chung với phần bà được hưởng từ di sản thừa kế, tổng giá trị tài sản bà được hưởng là 1898.44m² tương ứng với số tiền 23.687.500 đồng + 20.726.300 đồng = 44.413.800 đồng.

Riêng 02 ngôi nhà của vợ chồng chị Nguyễn Thị Ngọc Á và anh Hoàng Văn B và vợ chồng anh Nguyễn Duy Kh , chị Nguyễn Thị L thuộc thửa đất của bà Đặng Thị L được quyền sở hữu, các bên tự thương lượng với nhau nếu phát sinh tranh chấp Toà án sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án buộc bà Đặng Thị L phải nộp: 20.726.300 đồng x 5% = 1.036.315 đồng, anh Nguyễn Châu H phải nộp 300.000đồng tiền án phí chia di sản thừa kế, ông Nguyễn Quốc S chịu không phải chịu án dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 609, Điều 610, Điều 611, Điều 612, Điều 613, Điều 614, Điều 649, Điều 650, Điều a Khoản 1, Khoản 2 Điều 651 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 26, Khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 15 Luật hôn nhân gia đình năm 1959; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quốc S về việc phân chia di sản thừa kế theo pháp luật.

Xác định di sản thừa kế mà ông Nguyễn Hữu H để lại là $\frac{1}{2}$ diện tích $1025m^2 = 1012,5m^2$, tọa lạc tại tổ dân phố Quyết Tiến, thị trấn N, huyện B, tỉnh Quảng Bình thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 612166, thửa số 66, tờ bản đồ số 43 mang tên Nguyễn Hữu H và Đặng Thị L.

Giao toàn bộ di sản thừa kế mà ông H để lại cho bà Đặng Thị L được quyền sở hữu bà Lúy có nghĩa vụ giao số tiền chênh lệch cho anh Nguyễn Châu H số tiền 2.960.900 đồng (ông Nguyễn Quốc S, Nguyễn Quang Tr, Nguyễn Văn N, Nguyễn Thị X, Nguyễn Thị Th, Nguyễn Thị H giao lại phần thừa kế của mình cho bà Lúy sở hữu). Tổng giá trị tính thành tiền mà bà L được hưởng là 20.726.300 đồng, anh Nguyễn Châu H được nhận số tiền 2.960.900 đồng. Như vậy, di sản bà được hưởng và cùng với tài sản chung của bà và ông H là toàn bộ thửa đất số AI 612166, thửa số 66, tờ bản đồ số 43, diện tích $2025m^2$ được UBND huyện B, Quảng Bình cấp ngày 31/7/2009, thửa đất có tứ cận như sau: Từ điểm 1 đến điểm 2 giáp đường giao thông nông thôn có kích thước 38,9m; từ điểm 2 đến điểm 3 giáp đường giao thông nông thôn kích thước 20,32m; từ điểm 3 đến điểm 4 giáp đường giao thông nông thôn kích thước 8,96m; từ điểm 4 đến điểm 5 giáp đường giao thông nông thôn có kích thước 5,27m; từ điểm 5 đến điểm 6 giáp đất bà Hoàng Thị Mai có kích thước 35,69m; từ điểm 6 đến điểm 7 giáp đất ông Nguyễn Văn Hoàn có kích thước 33,50m; từ điểm 7 đến điểm 1 giáp đường giao thông nông thôn có kích thước 42,55m. Việc phân chia di sản nói trên có sơ đồ vẽ kèm theo bản án. Người được chia quyền sử dụng đất có trách nhiệm đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thủ tục biến động về đất.

Đối với khoản tiền phải thi hành án nói trên, sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, cơ quan thi hành án ra quyết định thi hành mà người phải thi hành án không nộp thì hàng tháng phải chịu lãi suất theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian và số tiền phải thi hành. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án H bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 1 Điều 147 BLTTDS; điểm b khoản 2 Điều 3 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2006 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bà Đặng Thị L phải nộp 1.036.315 đồng tiền án phí; ông Nguyễn Quốc S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nhưng ông xin chịu thay cho bà Lúy số tiền 300.000 đồng. Vì vậy số tiền này được trừ vào số tiền tạm ứng ông Nguyễn Quốc S đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002633 ngày 25 tháng 10 năm 2017

tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Quảng Bình; Như vậy bà Đặng Thị L phải nộp tiếp 736.315 đồng. Anh Nguyễn Châu H phải nộp 300.000 đồng tiền án phí.

3. Án xử công khai sơ thẩm, báo cho các đương sự có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm vụ án.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Bố Trạch;
- Chi cục THADS huyện Bố Trạch;
- Các đương sự;
- UBND tt N;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Loan